TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiểu.
2. Bà Hoàng Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng C - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1990.
ĐKHKTT: Thôn L, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn T, thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị L và anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2022, bản tự khai ngày 30/12/2022, biên bản hòa giải ngày 30/12/2022 và ngày 13/3/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn P), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 02/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 01 năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do tính cách không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2014, vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm, đến đầu năm 2015 thì về đoàn tụ. Sau khi về đoàn tụ thì vợ chồng sống không hạnh phúc, vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Anh Đ thường xuyên đi chơi qua đêm, hay bỏ bê công công việc, tụ tập bạn bè rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Đ không thay đổi. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh Đỗ Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Đ C, sinh ngày 18/12/2013 và cháu Đỗ An N, sinh ngày 08/8/2019. Cháu C đang ở với anh Đ, cháu N ở với chị. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu N, giao cho anh Đ nuôi cháu C. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị mở cửa hàng spa chăm sóc sắc đẹp, thu nhập hàng tháng trung bình là 15.000.000đ, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà đất nhưng tự thỏa thuận phân chia. Về công nợ chung: Không có. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung.

- *Tại bản tự khai ngày 30/12/2022, biên bản hòa giải 30/12/2022, ngày 13/3/2023 và tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Văn Đ trình bày như sau*:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn P), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 02/7/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn lần đầu từ năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khi bàn bạc công việc chung thì không thống nhất được. Năm 2014, chị L bỏ về ngoại sống 6 tháng sau đó lại về đoàn tụ. Sau đó, vợ chồng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng giải quyết được. Đến đầu năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên thỉnh thoảng anh có đi chơi đêm. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị L xin ly hôn, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ và thương các con, nên anh không đồng ý ly hôn. Nguyện vọng của anh là xin được đoàn tụ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo đơn của chị L thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Đ C, sinh ngày 18/12/2013 và cháu Đỗ An N, sinh ngày 08/8/2019. Cháu C đang ở với anh, cháu N ở với chị L. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu C, giao cho chị L nuôi cháu N. Tôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề thị trường, thu nhập trung bình từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà đất nhưng tự thỏa thuận phân chia. Về công nợ chung: Không có. Vì vậy, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn Đ. Về con chung: Giao cháu cháu Đỗ Đ C, sinh ngày 18/12/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ An N, sinh ngày 08/8/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con. Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị L và anh Đ là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị L và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014. Trên cơ sở trình bày của đương sự và xác minh tại địa phương xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm vào năm 2014, sau đó về đoàn tụ. Tháng 10/2022, vợ chống tiếp tục sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị L xin ly hôn, về phía anh Đ thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, nhưng vì thương con nên anh Đ không đồng ý ly hôn, anh Đ xin được đoàn tụ. Tòa án đã kiên trì hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên hòa giải, Tòa án đã đưa ra các giải pháp, cách thức để giúp anh Đ thuyết phục chị L về đoàn tụ. Nhưng từ sau phiên hòa giải lần 1 cho đến nay, anh Đ không thực hiện giải pháp gì để níu kéo hạnh phúc. Tại phiên tòa, anh Đ khẳng định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, nhưng do chị L làm đơn ly hôn là đơn phương, anh không làm đơn nên anh không

đồng ý ly hôn; trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo đơn của chị L thì anh cũng chấp nhận. Điều đó chứng tỏ anh Đ có thái độ để mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung:

Chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Đ C, sinh ngày 18/12/2013 và cháu Đỗ An N, sinh ngày 08/8/2019. Chị L có nguyện vọng nuôi cháu N. Anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu C. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị L và anh Đ là chính đáng, được pháp luật bảo vệ. Bản thân chị L và anh Đ đều có việc làm, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, giao cho mỗi người nuôi dưỡng một cháu là phù hợp. Cháu C đang ở ổn định với anh Đ và cháu C có nguyện vọng được ở với bố. Cháu N đang ở với chị L. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của các con, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh Đ đều không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con, vì vậy không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

2. Về con chung:

Chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Đ C, sinh ngày 18/12/2013 và cháu Đỗ An N, sinh ngày 08/8/2019. Giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Đ C. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ An N. Chị L và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2021/0003687 ngày 12/12/2022. Chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Chị L và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND TT. P, Quảng Xương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung